

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 140/KQXNN

(Không được trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Giám đốc Trung tâm)

Tên khách hàng: Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn Quảng Bình.

Địa chỉ: Số 03 Lê Quý Đôn - Đồng Hới - Quảng Bình.

Tên mẫu: Nước máy

Mã số: 140/XNN/2019

Số lượng: 02 lít

Địa điểm lấy mẫu: Bể chứa nước sạch.

Công trình: Cấp nước Lệ Ninh - Lệ Thủy - Quảng Bình.

Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai nhựa, đậy kín miệng. Mẫu do khách hàng mang tới.

Ngày nhận mẫu: 11/4/2019

Ngày hẹn trả kết quả: 25/4/2019

Thời gian lưu mẫu: 10 ngày kể từ ngày ban hành kết quả, hết thời gian lưu mẫu trung tâm sẽ không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm của khách hàng.

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

TT	Chỉ tiêu/đơn vị	Kết quả	Phương pháp kiểm nghiệm	Giới hạn cho phép ⁽¹⁾
1	Độ đục	0,43	Máy đo độ đục(*)	≤ 2
2	pH	8,22	Máy đo pH	6,5-8,5
3	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ /l	101	TCVN 6224:1996(*)	≤300
4	Hàm lượng Clorua, mg/l	8,0	TCVN 6194:1996(*)	≤250
5	Hàm lượng Clo dư, mg/l	0,33	Bộ text clo	30,3-0,5
6	Coliforms tổng số (MPN/100ml)	<3	TCVN 6187-2:1996(*)	0
7	E.coli(MPN/100ml)	<3	TCVN 6187-2:1996(*)	0

Ghi chú: - (1) Giới hạn cho phép theo QCVN 01:2009/BYT

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

- (*) Phép thử đã được VILAS công nhận

- Theo phương pháp thử kết quả được biểu thị < 3MPN/100ml khi không có vi khuẩn mọc trên ống thử.

Kết luận: Các chỉ tiêu đã kiểm nghiệm của mẫu nước trên đạt tiêu chuẩn vệ sinh về chất lượng nước ăn uống theo QCVN 01:2009/BYT.

P. TRƯỞNG KHOA

Quang

Dương Viết Quảng

Đồng Hới, ngày 25 tháng 4 năm 2019



GIÁM ĐỐC

Đỗ Quốc Tiệp



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 164/KQXNN

(Không được trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Giám đốc Trung tâm)

Tên khách hàng: Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn Quảng Bình.

Địa chỉ: Số 03 Lê Quý Đôn - Đồng Hới - Quảng Bình.

Tên mẫu: Nước máy Mã số: 164/XNN/2019 Số lượng: 02 lít

Địa điểm lấy mẫu: Bể chứa nước sạch.

Công trình: Cấp nước xã Mai Hóa - Tuyên Hóa - Quảng Bình.

Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai nhựa, đậy kín miệng. Mẫu do khách hàng mang tới.

Ngày nhận mẫu: 19/4/2019 Ngày hẹn trả kết quả: 10/5/2019

Thời gian lưu mẫu: 10 ngày kể từ ngày ban hành kết quả, hết thời gian lưu mẫu trung tâm sẽ không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm của khách hàng.

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

TT	Chỉ tiêu/đơn vị	Kết quả	Phương pháp kiểm nghiệm	Giới hạn cho phép ⁽¹⁾
1	Độ đục	0,36	Máy đo pH	≤ 2
2	pH	7,65	Cảm quan	6,5-8,5
3	Hàm lượng Clo dư	0,31	Bộ text clo	0,3-0,5
4	Hàm lượng Mangan	KPH LOD: 0,01mg/l	SMEWW 3113B	0,3
5	Hàm lượng Florua, mg/l	0,73	TCVN 4568:1988	1,5
6	Hàm lượng Nitrit, mg/l	KPH LOD: 0,03mg/l	SMEWW 4500-NO ₂ (*)	3
7	Hàm lượng nitrat, mg/l	0,90	TCVN 6180:1996(*)	50
8	Coliforms tổng số (MPN/100ml)	<3	TCVN 6187-2:1996(*)	0
9	E.coli(MPN/100ml)	<3	TCVN 6187-2:1996(*)	0

Ghi chú: - (1) Giới hạn cho phép theo QCVN 01:2009/BYT.

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

- KPH: Không phát hiện

- (*) Phép thử đã được VILAS công nhận

- Theo phương pháp thử kết quả được biểu thị < 3MPN/100ml khi không có vi khuẩn mọc trên ống thử.

Kết luận: Các chỉ tiêu đã kiểm nghiệm của mẫu nước trên đạt tiêu chuẩn vệ sinh về chất lượng nước ăn uống theo QCVN 01:2009/BYT.

P. TRƯỞNG KHOA

Dương Viết Quảng

Đồng Hới, ngày 02 tháng 5 năm 2019

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Lê Minh Tiến

SỞ Y TẾ QUẢNG BÌNH
TRUNG TÂM Y TẾ DỰ PHÒNG
KHOA XÉT NGHIỆM

Địa chỉ: 164 Bà Triệu - Đồng Phú - Đồng Hới - Quảng Bình
Điện thoại: 0523.822557 Fax: 0523845492

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
=====o0o=====

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 163/KQXNN

(Không được trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Giám đốc Trung tâm) VILAS 885

Tên khách hàng: Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn Quảng Bình.
Địa chỉ: Số 03 Lê Quý Đôn - Đồng Hới - Quảng Bình.
Tên mẫu: Nước máy Mã số: 163/XNN/2019 Số lượng: 02 lít
Địa điểm lấy mẫu: Bể chứa nước sạch.
Công trình: Cấp nước liên xã Tiên Hóa, Châu Hóa, Văn Hóa - Tuyên Hóa - Quảng Bình.
Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai nhựa, đậy kín miệng. Mẫu do khách hàng mang tới.
Ngày nhận mẫu: 19/4/2019 Ngày hẹn trả kết quả: 10/5/2019
Thời gian lưu mẫu: 10 ngày kể từ ngày ban hành kết quả, hết thời gian lưu mẫu trung tâm sẽ không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm của khách hàng.

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

TT	Chỉ tiêu/đơn vị	Kết quả	Phương pháp kiểm nghiệm	Giới hạn cho phép ⁽¹⁾
1	Độ đục	0,66	Máy đo pH	≤ 2
2	pH	8,14	Cảm quan	6,5-8,5
3	Hàm lượng Clorua	4,97	TCVN 6194:1996	250
4	Hàm lượng Clo dư	0,34	Bộ text clo	0,3-0,5
5	Hàm lượng sắt	0,1	SMEWW 3500-Fe	0,3
6	Coliforms tổng số (MPN/100ml)	<3	TCVN 6187-2:1996(*)	0
7	E.coli(MPN/100ml)	<3	TCVN 6187-2:1996(*)	0

Ghi chú: - (1) Giới hạn cho phép theo QCVN 01:2009/BYT.

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- KPH: Không phát hiện
- (*) Phép thử đã được VILAS công nhận
- Theo phương pháp thử kết quả được biểu thị < 3MPN/100ml khi không có vi khuẩn mọc trên ống thử.

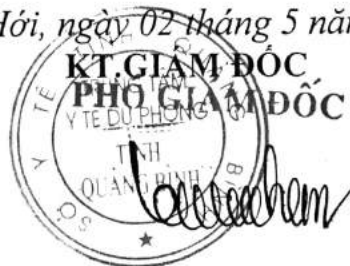
Kết luận: Các chỉ tiêu đã kiểm nghiệm của mẫu nước trên đạt tiêu chuẩn vệ sinh về chất lượng nước ăn uống theo QCVN 01:2009/BYT.

P. TRƯỞNG KHOA

Qual

Dương Viết Quảng

Đồng Hới, ngày 02 tháng 5 năm 2019



Lê Minh Tiến

SỞ Y TẾ QUẢNG BÌNH
TRUNG TÂM Y TẾ DUY PHONG
KHOA NGHIỆM

Địa chỉ: 164 Bà Triệu - Đồng Hới - Quảng Bình
Điện thoại: 0523.822557 Fax: 0523.845492

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 141/KQXNN

(Không được trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Giám đốc Trung tâm)

Tên khách hàng: Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn Quảng Bình
Địa chỉ: Số 03 Lê Quý Đôn - Đồng Hới - Quảng Bình.
Tên mẫu: Nước máy Mã số: 141/XNN/2019 Số lượng: 02 lít
Địa điểm lấy mẫu: Bể chứa nước sạch.
Công trình: Cấp nước Thanh Trạch - Bồ Trạch - Quảng Bình.
Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai nhựa, đầy kín miệng. Mẫu do khách hàng mang tới.
Ngày nhận mẫu: 11/4/2019 Ngày hẹn trả kết quả: 25/4/2019
Thời gian lưu mẫu: 10 ngày kể từ ngày ban hành kết quả, hết thời gian lưu mẫu trung tâm sẽ không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm của khách hàng.

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

TT	Chỉ tiêu/đơn vị	Kết quả	Phương pháp kiểm nghiệm	Giới hạn cho phép ⁽¹⁾
1	Độ đục	0,51	Máy đo độ đục(*)	≤ 2
2	pH	7,72	Máy đo pH	6,5-8,5
3	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ /l	76	TCVN 6224:1996(*)	≤ 300
4	Hàm lượng sắt, mg/l	KPH (LOD: 0,03mg/l)	SMEWW 3500-Fe(*)	≤ 0,3
5	Hàm lượng Clo dư, mg/l	0,32	Bộ text clo	0,3-0,5
6	Coliforms tổng số (MPN 100ml)	<3	TCVN 6187-2:1996(*)	0
7	E.coli(MPN/100ml)	<3	TCVN 6187-2:1996(*)	0

Ghi chú: - (1) Giới hạn cho phép theo QCVN 01:2009/BYT.

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm
- KPH: Không phát hiện
- (*) Phép thử đã được VILAS công nhận
- Theo phương pháp thử kết quả được biểu thị < 3MPN/100ml khi không có vi khuẩn mọc trên ống thử.

Kết luận: Các chỉ tiêu đã kiểm nghiệm của mẫu nước trên đạt tiêu chuẩn vệ sinh về chất lượng nước ăn uống theo QCVN 01:2009/BYT.

P. TRƯỞNG KHOA

Quang

Dương Viết Quang

Đồng Hới, ngày 25 tháng 4 năm 2019



Đỗ Quốc Tiệp